

Số: /BC-UBND

Đức Cơ, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030 của huyện Đức Cơ**

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh Gia Lai về Ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của UBND tỉnh Gia Lai. UBND huyện ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 07/01/2011 của Ủy ban nhân dân huyện về Thực hiện cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 3943/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện Đức Cơ giai đoạn 2016-2020.

Theo đó, đã chỉ đạo, phổ biến các nội dung, mục tiêu của Chương trình tổng thể đến các cơ quan đơn vị và UBND các xã, thị trấn. Việc quán triệt các nội dung của Chương trình tổng thể và các văn bản quan trọng khác được đưa vào các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của huyện, các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND huyện như: Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính hàng năm, kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, UBND các xã, thị trấn.... tạo thành một hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành đồng bộ, là cơ sở cho việc tổ chức thực hiện cũng như theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện. Đến nay, cơ bản đã hoàn thành các nội dung theo kế hoạch.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Nhằm cụ thể hóa kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020, hằng năm UBND huyện đã xây dựng các kế hoạch cải cách hành chính năm và ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính¹. Trong đó

¹ Năm 2011: Ban hành Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 05/12/2011 về việc phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa và thí điểm một cửa liên thông tại Văn phòng HĐND-UBND huyện; Năm 2012: Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 18/ 01/2012 về cải cách hành chính năm 2012; Năm 2013: Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn huyện Đức Cơ năm 2013; Năm 2014: Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2014; Năm 2015: Quyết định số 3049/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2015; Năm 2016: Quyết định số 5132a/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành

tập trung vào các mục tiêu: Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính; xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất năng lực và trình độ đáp ứng yêu cầu phục vụ công dân, tổ chức; tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đồng thời, ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện triển khai kịp thời, đầy đủ các nội dung và bám sát các định hướng của cấp trên, phân công rõ trách nhiệm, có sản phẩm và thời gian thực hiện.

Định kỳ UBND huyện tổ chức thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính và đề ra giải pháp thực hiện thời gian tới; chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo về công tác cải cách hành chính theo đúng quy định.

Việc gắn công tác thi đua, khen thưởng với thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tiếp tục được UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc. Căn cứ vào kết quả triển khai công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn để đánh giá cán bộ, công chức và bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm.

Thường xuyên khuyến khích cán bộ, công chức trong các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tích cực nghiên cứu, đề xuất những sáng kiến mới nhằm nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện. Để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thị trấn Chư Ty thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký hộ khẩu thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (ba trong một) và trả tận nhà cho công dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi đến liên hệ giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo hiệu quả và không mất thời gian đi lại của công dân. Ngoài ra, UBND huyện thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và dịch vụ Bưu chính công ích đối với các trường THPT trên địa bàn huyện. Đây là cách làm mới góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện.

3. Về kiểm tra cải cách hành chính

Hằng năm, UBND huyện ban hành kế hoạch và thành lập Đoàn kiểm tra thực hiện kiểm tra cải cách hành chính định kỳ tại các cơ quan, đơn vị, UBND

chính năm 2016; Năm 2017: Quyết định số 5834/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính huyện Đức Cơ năm 2017; Năm 2018: Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018 của huyện Đức Cơ; Năm 2019: Quyết định 3391/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019; Năm 2020: Quyết định số 2407/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2020 của huyện Đức Cơ.

các xã, thị trấn. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, UBND huyện đã kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo kiểm điểm các cá nhân, tập thể có liên quan và tổ chức chấn chỉnh hạn chế, thiếu sót trong công tác cải cách hành chính.

Ngoài công tác kiểm tra cải cách hành chính định kỳ, UBND huyện còn tổ chức các đợt kiểm tra đột xuất, kiểm tra đồng thời hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính như: Kiểm tra công tác thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các phòng ban chuyên môn và UBND cấp xã; kiểm tra việc tự đặt ra các yêu cầu, điều kiện trong giải quyết thủ tục hành chính; kiểm tra, hướng dẫn, việc sử dụng Hệ thống QLVBDH, Hệ thống một cửa điện tử cấp xã.

Qua kiểm tra định kỳ và đột xuất công tác cải cách hành chính, các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn đã có sự nỗ lực, cố gắng trong việc tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính qua từng năm; công tác chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được quan tâm; tăng cường chấn chỉnh lề lối, tác phong làm việc của cán bộ, công chức, góp phần hạn chế sai sót trong thực hiện trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức. Các đơn vị, địa phương được kiểm tra đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND huyện trong việc công bố thủ tục hành chính theo thẩm quyền giải quyết; trình tự giải quyết thủ tục hành chính từ khâu tiếp nhận đến khâu trả kết quả đều đúng quy trình. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: Công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính vẫn còn tình trạng hồ sơ trễ hẹn, nhất là trong lĩnh vực đất đai; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính còn chậm.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Để nâng cao hiệu quả triển khai công tác cải cách hành chính, phổ biến các nội dung trong công tác cải cách hành chính đến đội ngũ cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn huyện; hằng năm UBND huyện xây dựng các Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính năm. Thường xuyên cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC theo đúng quy định đồng thời cập nhật các VBQPPL trên Cổng thông tin điện tử huyện và Trang thông tin điện tử thành phần của UBND các xã, thị trấn; Công khai địa chỉ cơ quan, Website, số điện thoại tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị và hộp thư điện tử để cá nhân, tổ chức nhận biết các kênh thông tin phản ánh kiến nghị về quy định hành chính; Xây dựng chuyên mục, chuyên trang và cập nhật thông tin về cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử huyện; Tuyên truyền cải cách hành chính trong nội bộ từng địa phương bằng nhiều hình thức phù hợp: Tại các buổi giao ban, họp định kỳ; lồng ghép trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn; tuyên truyền trên đài truyền thanh, truyền hình huyện, Tuyên truyền bằng pa nô, áp phích, tờ gấp về cải cách hành chính.

Ngoài các hình thức trên, UBND huyện còn thực hiện tổ chức hội nghị về công tác cải cách hành chính; tổ chức hội thi tìm hiểu về công tác cải cách hành chính; thực hiện tuyên truyền dịch vụ công trên địa bàn huyện.

Thông qua công tác tuyên truyền về cải cách hành chính bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng đã giúp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các tổ chức, doanh nghiệp và công dân nâng cao nhận thức, hiểu đầy đủ hơn về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trong chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng văn bản Quy phạm pháp luật rà soát, hệ thống hóa văn bản:

a. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thực hiện đúng quy trình, quy định, đảm bảo nội dung, thể thức; từ khâu lập kế hoạch đến khâu ban hành đều được lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, đặc biệt là các tổ chức chính trị, xã hội, tổ chức hội và thẩm định của Phòng Tư pháp.

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã thị trấn kết hợp việc triển khai công tác rà soát các văn bản quy phạm pháp luật với việc hướng dẫn, tháo gỡ những vấn đề còn vướng mắc trong quá trình thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật tại các xã, thị trấn, góp phần nâng cao nhận thức, tầm quan trọng về công tác xây dựng văn bản, rà soát văn bản quy phạm pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức tư pháp các xã, thị trấn.

Hàng năm, UBND huyện ban hành Kế hoạch xây dựng, kiểm tra, tự kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản Quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Đức Cơ. Đến nay, Hội đồng, UBND huyện xây dựng được 90 văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó: 11 quyết định quy phạm pháp luật, 79 Nghị quyết quy phạm pháp luật. Hiện tại còn 01 Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND huyện về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện Đức Cơ, còn hiệu lực pháp luật.

b. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Giai đoạn 2011-2020, huyện đã kiểm tra, rà soát văn bản do Hội đồng nhân dân và UBND các xã, thị trấn ban hành với 250 Nghị quyết, 26 Quyết định.

Tự kiểm tra rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện ban hành; ban hành Quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm do Hội đồng và Ủy ban nhân dân huyện ban hành giai đoạn 2010-2013 với 64 văn bản quy phạm pháp luật: Trong đó có 56 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và 8 quyết định của UBND hết hiệu lực. Năm 2014, 2015, 2016 đã hết hiệu lực thi hành với 26 văn bản trong đó 23 Nghị

Quyết, 03 Quyết định. Qua rà soát đã tiến hành xử lý văn bản như: Thực hiện đính chính 02 văn bản quy phạm pháp luật do sai sót; bãi bỏ 03 Quyết định hết hiệu lực.

Thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 28/2/2018 về việc hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật định kỳ từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2018 trên địa bàn huyện Đức Cơ. Kết quả rà soát: Tổng số văn bản phải rà soát là 29 văn bản QPPL (Nghị quyết: 23; Quyết định: 06); Số văn bản đã được rà soát là 29 văn bản QPPL (Nghị quyết: 23; Quyết định: 06), trong đó: Văn bản còn hiệu lực là 01 văn bản (Quyết định: 01); Văn bản hết hiệu lực là: 23 văn bản (Nghị quyết: 23), Văn bản sửa đổi, đính chính: 02 Quyết định; Văn bản bãi bỏ: 03 Quyết định.

1.2. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi thi hành pháp luật.

a. Công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính

Giai đoạn 2011-2020, các cơ quan, đơn vị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình, đã tổ chức thực hiện, chấp hành nghiêm các quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, việc tuân thủ các quy trình, trình tự, thủ tục trong công tác xử lý vi phạm hành chính được các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền thực hiện nghiêm túc, tạo điều kiện thuận lợi trong thực tiễn áp dụng, góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương quản lý hành chính, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của công dân. Các vi phạm hành chính xảy ra trên hầu hết các lĩnh vực nhưng chủ yếu tập trung vào lĩnh vực an toàn giao thông đường bộ và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Các trường hợp vi phạm đã được phát hiện, lập biên bản và xử lý đúng với hành vi vi phạm. Việc giải quyết các hồ sơ đúng cơ sở pháp lý, cụ thể là các văn bản pháp luật hiện hành quy định về xử lý vi phạm hành chính trên các lĩnh vực này. Về cơ bản áp dụng xử phạt đúng hành vi, mức xử phạt, thẩm quyền xử phạt theo quy định. Quy trình giải quyết hồ sơ nhìn chung tuân thủ đúng quy định, cụ thể như tuân thủ quy định pháp luật về thời hạn ra quyết định xử phạt, thời hạn giao quyết định cho tổ chức, cá nhân vi phạm và các quy định khác có liên quan trong quá trình xử phạt.

UBND các xã, thị trấn đã chỉ đạo cán bộ, bộ phận tham mưu nghiên cứu các quy định của pháp luật có liên quan để tham mưu trong công tác xử phạt vi phạm hành chính cũng như quan tâm chỉ đạo trong việc tuyên truyền, thuyết phục, vận động người dân chấp hành các quy định của pháp luật về xây dựng, đất đai và môi trường và trong việc chấp hành Quyết định xử phạt. Các loại hành vi vi phạm phổ biến: Không tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực

phẩm, vi phạm an toàn giao thông². Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: 3090/3090 vụ việc³.

Việc áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định, thực hiện nghiêm túc. Công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính được thực hiện đúng quy định⁴.

b. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật, thành lập 12 đoàn kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, sau quá trình kiểm tra đều có hướng dẫn thực hiện và kiến nghị xử lý, thành lập đoàn điều tra khảo sát; kết quả đánh giá mức độ hài lòng của công dân đạt 85%.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Trung ương, của tỉnh

Thực hiện Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành thủ tục hành chính mới trên các lĩnh vực; trong giai đoạn 2011-2020, UBND huyện đã ban hành các văn bản yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện niêm yết công khai, đảm bảo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch, giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, ban hành các kế hoạch rà soát, kiểm soát thủ tục hành chính; các văn bản đăng ký rà soát, đánh giá thủ tục hành chính theo quy định.

Thực hiện đăng tải, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích và danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích trên Cổng thông tin điện tử và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để thuận tiện cho người dân theo dõi và thực hiện.

2.2. Kiểm soát thủ tục hành chính

² Số vụ vi phạm bị phát hiện, xử lý: 3034 vụ; có 3542 đối tượng áp dụng các hình thức xử phạt; Hình thức xử phạt: 3.034 vụ; Biện pháp khắc phục hậu quả: 28.

³ Tổng số tiền phạt thu được: 3.421.034. 000 đồng; số lượng tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu: 03m dây nhôm AV, 10,71m² gỗ, 7,682 bao thuốc lá, 100 thùng nước tang lực, 200kg củi gỗ trắc, 782 típ thuốc kích thích giá đỗ; số giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tước quyền sử dụng có thời hạn: 184; 02 bàn gỗ, 02 con dao, số vụ bị đình chỉ hoạt động có thời hạn: 05; số lượng quyết định xử phạt chưa được thi hành: 03; số quyết định hoãn, giảm, miễn thi hành phạt tiền: 0; số vụ bị cưỡng chế thi hành: 02; số vụ bị khiếu nại, khởi kiện: 02.

⁴ Việc thực hiện biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính nhắc nhở đối với người chưa thành niên vi phạm: 96 vụ có 107 đối tượng; Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thị trấn 28 đối tượng; Đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: 19 hồ sơ, 19 đối tượng; Áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng: 08 hồ sơ; 08 đối tượng; Số hồ sơ có dấu hiệu tội phạm được chuyển để truy cứu trách nhiệm hình sự 06 vụ việc.

a. Kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan, địa phương

Hàng năm, UBND huyện ban hành các Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính. Đồng thời, báo cáo định kỳ về kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thủ tục hành chính, thực hiện quy trình kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Tiếp nhận đầy đủ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai về việc công bố thủ tục hành chính mới hoặc bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung. Niêm yết, công khai Quyết định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai và các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bãi bỏ, thêm mới hoặc bổ sung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, cấp xã. Tính tới thời điểm hiện tại: Tổng số thủ tục hành chính cấp huyện là 318 thủ tục hành chính, cấp xã là 165 thủ tục hành chính.

b. Về rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính

Để thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính, UBND huyện đã ban hành các Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, đồng thời đăng ký rà soát, đánh giá thủ tục hành chính hàng năm. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính phù hợp với quy định, đưa ra khỏi danh mục những thủ tục hành chính đã hết hiệu lực; báo cáo đảm bảo theo quy định về công tác kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn huyện. Thường xuyên rà soát, niêm yết, công khai Quyết định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

UBND huyện đã tiến hành rà soát các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực. Đề xuất cấp có thẩm quyền rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân giảm thời gian đi lại và các chi phí phát sinh do kéo dài thủ tục hành chính⁵.

⁵ Đối với cấp huyện: Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất (quy định diện tích tách thửa đối với nhóm đất nông nghiệp tại các xã không nhỏ hơn 500m². Đối với thủ tục hành chính này, trên địa bàn huyện vướng rất nhiều hồ sơ sang nhượng quyền sử dụng đất diện tích nhỏ hơn trong Quyết định 08/2018/QĐ-UBND, ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về sửa đổi, bổ sung Điều 6 của quy định ban hành kèm theo quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Gia Lai); Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân (Thời gian quy định quá ngắn nên không đảm bảo phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn). Đối với cấp xã: Đã chủ động rà soát thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân được nhận hồ sơ thời gian sớm nhất như: Thủ tục liên thông lĩnh vực Tư pháp 3 trong 1 (khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi, đăng ký thường trú cho trẻ em) giảm từ 11 ngày xuống 9 ngày. Thủ tục đăng ký kết hôn được thực hiện trong ngày.

Thực hiện niêm yết các nội dung tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh theo đúng quy định. Trong giai đoạn thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011-2020, UBND huyện chưa nhận được phản ánh kiến nghị về quy định thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức.

c. Về công khai thủ tục hành chính

UBND huyện thực hiện công khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện đầy đủ các Quyết định công bố thủ tục hành chính và danh mục thủ tục hành chính theo quy định. Thường xuyên cập nhật công khai đầy đủ các Quyết định công bố thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử huyện và Trang thông tin điện tử cấp xã. Hiện nay, UBND huyện đã niêm yết đầy đủ: Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện: 318; Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích: 306 thủ tục hành chính (cấp huyện và xã); Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích: 54 thủ tục hành chính (cấp huyện và xã); Hộp thư góp ý: trên Cổng thông tin điện tử huyện; tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện; Công bố đường dây nóng của lãnh đạo UBND huyện.

d. Triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Giai đoạn 2011-2020, UBND huyện đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện cơ chế một cửa một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính⁶; từng bước tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đến liên hệ giải quyết thủ tục hành chính. Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện: 318, UBND các xã, thị trấn: 165 được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Trong giai đoạn 2011-2020, huyện đã đầu tư, xây dựng mới Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả huyện và UBND các xã, thị trấn đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất theo quy định; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức đến liên hệ giải quyết thủ tục hành chính. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả huyện niêm yết công khai thủ tục hành chính,

⁶ Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 05/12/2011 về việc phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế một cửa và thí điểm một cửa liên thông tại Văn phòng HĐND-UBND huyện; Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 16/5/2012 ban hành Quy trình, giải quyết hành chính theo cơ chế "một cửa" và thí điểm "một cửa liên thông"; Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 07/02/2012 về việc ban hành kế hoạch nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính huyện, xã giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 12/5/2015 ban hành Quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" và thí điểm "một cửa liên thông"; Quyết định số 1597/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 về việc phê duyệt Đề án thực hiện mô hình "Một cửa điện tử" tại UBND huyện; Quyết định số 1598a/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 về việc ban hành Đề án thực hiện cơ chế một cửa liên thông tại UBND huyện; Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 20/9/2020 về việc ban hành Quy chế hoạt động theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện Đức Cơ.

các danh mục thủ tục hành chính và giải quyết theo quy định và theo Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính: Theo quy định tại Chương II, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Đồng thời, công khai niêm yết trên Cổng thông tin điện tử của huyện và Trang thông tin điện tử của UBND các xã, thị trấn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan, địa phương

a. Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ, của Bộ ngành, của tỉnh về tổ chức bộ máy

Thực hiện tốt các quy định của Chính phủ, của Bộ ngành, của tỉnh về tổ chức bộ máy, thời gian triển khai và mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy tại các văn bản quy phạm pháp luật; chức năng nhiệm vụ của UBND huyện thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Các cơ quan hành chính: Về cơ cấu tổ chức thực hiện theo Nghị định số: 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số: 12/2010/NĐ-CP ngày 26/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (đã được thay thế bằng Nghị định số: 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014). Hiện nay UBND huyện Đức Cơ có 13 phòng ban chuyên môn trực thuộc⁷.

Các đơn vị sự nghiệp: Có 47 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện và các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện:

- Đơn vị sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách: 04 đơn vị⁸;
- Đơn vị sự nghiệp có thu do huyện thành lập (số lượng người làm việc tại các đơn vị này không thuộc biên chế tỉnh phân bổ): 03 đơn vị⁹;
- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc các phòng chuyên môn: 40 đơn vị¹⁰.

⁷ Phòng Nội vụ, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Thanh tra huyện, Phòng Tư pháp, Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Văn hóa và Thông tin, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Y tế, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Dân tộc

⁸ Trung tâm Văn hóa và Thông tin và Thể thao; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp; 01 tổ chức hội đặc thù thuộc biên chế sự nghiệp thuộc khối chính quyền và kinh phí do ngân sách huyện đảm bảo là Hội Chữ thập đỏ huyện.

⁹ Ban quản lý chợ huyện; Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng; Đội công trình giao thông và dịch vụ đô thị.

¹⁰ Bộ phận sự nghiệp văn thư, lưu trữ thuộc Phòng Nội vụ; 39 trường học (kinh phí hoạt động do Nhà nước đảm bảo 100%), gồm: 10 trường Mầm non; 15 trường Tiểu học; 14 Trường THCS.

Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện được quy định tại Nghị định số: 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Các đơn vị sự nghiệp hoạt động theo Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn của Luật, các văn bản hướng dẫn dưới luật cùng với các quyết định, quy định của tỉnh, huyện về cơ cấu tổ chức, bộ máy và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp.

Giai đoạn 2011-2020, UBND huyện đã ban hành Quyết định sáp nhập bậc trung học cơ sở của Trường Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt vào Trường Trung học cơ sở Lê Lợi thành Trường Trung học cơ sở Lê Lợi; sáp nhập bậc Tiểu học của Trường Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt vào Trường Tiểu học Võ Văn Kiệt thành Trường Tiểu học Võ Văn Kiệt; sáp nhập Trường Tiểu học Chu Văn An vào Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nguyễn Du; sáp nhập Trường Tiểu học Tô Vĩnh Diện vào Trường Tiểu học Lê Văn Tám thành Trường Tiểu học Lê Văn Tám; Chuyển đổi Trường Trung học cơ sở Trần Quốc Toàn, thành Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Trần Quốc Toàn; sáp nhập Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân vào Trường Trung học cơ sở Lương Thế Vinh, thành Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lương Thế Vinh; Thành lập Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Đức Cơ trên cơ sở sáp nhập Trạm Khuyến nông, Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Thành lập Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao huyện Đức Cơ trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Văn hóa-Thông tin và Thể thao, Đài Truyền thanh-Truyền hình; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên trên cơ sở sáp nhập Trung tâm dạy nghề (Thuộc sở Lao động-Thương binh và Xã hội) và Trung tâm giáo dục thường xuyên.

b. Tình hình tổ chức thực hiện và mức độ chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị trực thuộc

Chức năng và hiệu quả hoạt động của một số đơn vị sự nghiệp còn hạn chế như: Trung tâm dạy nghề và giáo dục thường xuyên huyện (do mới được thành lập và đi vào hoạt động cuối năm 2014).

Hiệu quả và hoạt động của các phong trào văn hóa, thể dục, thể thao còn hạn chế do chưa có sự tách bạch giữa chức năng quản lý nhà nước và hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin.

Chưa ban hành được quy chế phối hợp giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường – Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý) nên việc phối hợp còn thiếu nhịp nhàng chưa ăn khớp, chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao.

Chưa ban hành được quy chế phối hợp giữa Đội Quản lý trật tự đô thị, xây dựng, môi trường với UBND các xã, thị trấn và Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế và Hạ tầng về kiểm tra xử lý vi phạm về quản lý môi trường, đất đai, xây dựng, trật tự xây dựng đô thị và lấn chiếm lòng đường vỉa hè.

Quy định về chức năng, nhiệm vụ của một số phòng chưa hợp lý như công tác y tế trên địa bàn huyện có Trung tâm Y tế, Ban Y tế dự phòng thuộc Sở Y tế quản lý, Phòng Y tế thuộc UBND huyện quản lý. Cơ chế phối hợp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Phòng Y tế chưa được xác định rõ, chưa phát huy tốt vai trò tham mưu, quản lý về y tế trên địa bàn huyện và còn nhiều bất cập, lúng túng, mang tính công kênh về bộ máy và biên chế.

Một số cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ trùng lặp: Đội Quản lý trật tự đô thị, xây dựng, môi trường: việc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm hành chính về lĩnh vực hoạt động xây dựng, bảo vệ môi trường và trật tự đô thị trùng lặp với nhiệm vụ hướng dẫn kiểm tra và thực hiện xây dựng, cải tạo công trình hạ tầng đô thị, kiểm tra giám sát việc thực hiện quy hoạch, xây dựng các công trình theo quy hoạch...của Phòng Kinh tế và Hạ tầng và Phòng Tài nguyên và Môi trường; Trung tâm Y tế huyện (thuộc Sở Y tế): Thực hiện chức năng, nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số, KHHGĐ và truyền thông giáo dục sức khỏe về DS-KHHGĐ trùng lặp với nhiệm vụ dự thảo biện pháp huy động liên ngành trong quản lý, sử dụng các nguồn lực để thực hiện công tác dân số KHHGĐ của phòng Y tế.

c. Tình hình sử dụng, quản lý biên chế của cơ quan, địa phương.

Hiện nay, tổng biên chế của huyện được tỉnh giao và phê duyệt (gồm hành chính, sự nghiệp): 1.209 người¹¹;

Cán bộ, công chức cấp xã: 218 người;

Số biên chế có mặt đến 28/02/2020: Tổng số $1.330/1.376 = 96.65\%$ so với tổng biên chế được tỉnh giao¹².

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng cao qua từng năm; cụ thể:

- Công chức hành chính: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 05 người, Đại học: 66 người, Cao đẳng 0 người, Trung cấp: 01 người, Chưa qua đào tạo: 01 người; Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân: 0 người, Cao cấp: 24 người, Trung cấp 31 người, Sơ cấp cấp: 0 người, Chưa qua đào tạo: 18 người; Anh văn: Có chứng chỉ 69 người, Tin học: Có chứng chỉ 72 người, Bồi dưỡng quản lý nhà nước: Có chứng chỉ 63 người.

¹¹ Công chức (quản lý nhà nước): 81 người; Viên chức: 1.073 người, gồm (Sự nghiệp giáo dục: 1.037 người; Sự nghiệp Văn hóa: 19 người; Sự nghiệp khác: 17 người); Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68 là 55 người (khối cơ quan hành chính: 08 người, khối đơn vị sự nghiệp: 47 người).

¹² Biên chế công chức (QLNN): $73/81 = 90\%$; Biên chế viên chức: $982/1073 = 92\%$; Hợp đồng lao động theo ND 68: $54/55 = 98\%$; Biên chế cán bộ, công chức cấp xã: $202/218 = 93\%$.

- Viên chức các đơn vị sự nghiệp: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 04 người; Đại học: 607 người, Cao đẳng 191 người, Trung cấp: 179 người, Chưa qua đào tạo: 02 người; Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân: 0 người, Cao cấp: 05 người, Trung cấp: 110 người, Sơ cấp: 2 người, Chưa qua đào tạo: 865 người; Anh văn: Có chứng chỉ 400 người; Tin học: Có chứng chỉ 677 người; Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức: Có chứng chỉ 683 người.

- Sự nghiệp kinh tế: Ban quản lý chợ Đức Cơ, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, Đội công trình giao thông và dịch vụ đô thị, không giao biên chế, tuy nhiên cử 06 công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị sang đảm nhận các chức danh lãnh đạo, quản lý và kế toán theo quy định.

- Cán bộ công chức cấp xã: Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 01 người, Đại học: 94 người, Cao đẳng: 9 người, Trung cấp: 75 người, Sơ cấp: 02 người, Chưa qua đào tạo: 07 người; Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân: 0 người, Cao cấp: 15 người, Trung cấp 153 người, Sơ cấp: 12 người, Chưa qua đào tạo: 05 người; Anh văn: Có chứng chỉ 111 người, Tin học: Có chứng chỉ 110 người, Bồi dưỡng quản lý nhà nước: Có chứng chỉ 153 người.

d. Tình hình thực hiện quy chế làm việc của các cơ quan, địa phương.

UBND huyện ban hành quy chế làm việc của UBND huyện Đức Cơ, nhiệm kỳ 2016-2021 tại Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 27/7/2018; Quyết định số 3020/QĐ-UBND ngày 05/11/2018; ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện Đức Cơ, tại Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 18/10/2013.

Trên cơ sở đó từng cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo chức năng nhiệm vụ ban hành quy chế làm việc cho cơ quan đơn vị mình theo đúng quy định.

Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Ban kiểm tra quy chế làm việc của huyện tiến hành kiểm tra quy chế làm việc tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thường xuyên, đột xuất nhằm chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính trong việc chấp hành quy chế làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

3.2. Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc

Hàng năm ban hành kế hoạch kiểm tra công tác nội vụ tại một số cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng biên chế, quản lý công chức, viên chức. Sau kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh, từ đó công tác quản lý, sử dụng biên chế, quản lý công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị đi vào nề nếp, hoạt động có hiệu quả.

3.3. Về thực hiện phân cấp quản lý

Thực hiện đúng các quy định phân cấp quản lý tại các quyết định: Quyết định số 89/2004/QĐ-UB ngày 22/7/2004 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định quản lý công tác Nội vụ ở tỉnh; Quyết định số 04/2013/QĐ-

UBND ngày 22/01/2013 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định quản lý công tác tổ chức cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc tỉnh Gia Lai; Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai.

3.4. Triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp dịch vụ công của cơ quan, địa phương

Đến nay, UBND huyện đã thực hiện giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; giao chỉ tiêu biên chế nhà nước cho các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện quản lý.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

Xây dựng Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm, cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm trong các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại các quyết định: Quyết định số 928/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện; Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Gia Lai.

4.2. Về công chức cấp xã

Hàng năm, UBND huyện tăng cường đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ công chức cấp xã, hướng đến đạt chuẩn 100% theo quy định. Đến nay, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã 202 người, Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 01 người; Đại học: 94 người; Cao đẳng 9 người; Trung cấp: 75 người; Sơ cấp: 02 người; Chưa qua đào tạo: 07 người.

- Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân: 0 người; Cao cấp: 15 người; Trung cấp 153 người; Sơ cấp cấp: 12 người; Chưa qua đào tạo: 05 người.

- Anh văn: Có chứng chỉ 111 người; Tin học: Có chứng chỉ 110 người; Bồi dưỡng quản lý nhà nước: Có chứng chỉ 153 người.

4.3. Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

Giai đoạn 2011-2020, UBND huyện đã thực hiện tốt các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, thống kê số lượng cơ quan, đơn vị, thực hiện đúng các quy định về tuyển dụng công chức, viên chức và các quy định về sử

dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương¹³.

4.4. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, giai đoạn 2010-2020 huyện đã cử đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức đối với 1.380 cán bộ, công chức, viên chức (trong đó: 06 thạc sỹ, 08 đại học và 1.366 trường hợp được cử đi bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chức danh...).

4.5. Về đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức

Giai đoạn năm 2011-2020, UBND huyện nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính cho đội ngũ cán bộ, công chức huyện: Chuyên viên chính: 06 người; chuyên viên: 14 người.

Thực hiện chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính của cơ quan, địa phương: tuyển dụng 02 sinh viên tốt nghiệp loại giỏi và trình độ thạc sỹ vào công chức cấp huyện.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội

Đến nay, UBND huyện đã thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ đối với các cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện; cũng như nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của chính phủ đối với các đơn vị sự nghiệp. Nhằm mở rộng quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm của các cơ quan hành chính trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao, đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy hoạt động của các đơn vị gắn với nhu cầu của xã hội, đảm bảo chất lượng và có hiệu quả; đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý hoạt động xã hội của các cơ quan hành chính, góp phần nâng cao vai trò quản lý của nhà nước trong điều kiện nền kinh tế hiện nay.

5.2. Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ: Tỷ lệ đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 100% (19/19 đơn vị).

¹³ Tuyển dụng 378 người: Trong đó: Công chức 18 người, viên chức: 305 người, công chức xã: 55 người; bổ nhiệm 172 người: Trong đó: Bổ nhiệm mới 69 người, bổ nhiệm lại: 103 người (trong đó, viên chức quản lý 83 người, công chức quản lý là 20 người); chuyển chuyên công tác 159 người; chuyển loại công chức, viên chức: 146 người; tiếp nhận và phân công công tác: 85 người; công nhận hết thời gian tập sự: 117 người, cấp xã 36 người; thực hiện chế độ chính sách: 6466 người, cấp xã 711 người; điều động: 281 người, cấp xã 33 người; kỷ luật: 13 người, cấp xã 7 người; nghỉ hưu: 49 người, cấp xã 20 người; nghỉ việc: 16 người, cấp xã 19 người.

Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, nghị định số 115/2007/NĐ-CP, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP: Tỷ lệ đơn vị triển khai và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 100% (45/45 đơn vị).

Giai đoạn 2011-2020, UBND huyện thực hiện cáo cáo quyết toán và báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo đủ số lượng, nội dung và thời gian theo quy định: 100%.

5.3. Quản lý, sử dụng kinh phí hành chính

Hàng năm, UBND huyện xây dựng dự toán ngân sách hành năm đảm bảo nội dung theo quy định. Việc quản lý và sử dụng kinh phí hành chính, đúng quy định: 98%, không đúng quy định: 2%. Thực hiện khắc phục 100% các vấn đề phát hiện theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước.

Tổng chi phí trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho các đơn vị sự nghiệp năm 2015 là 167.045 triệu đồng, năm 2019 là 230.171 triệu đồng. Tỷ lệ chi trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp năm 2019 tăng 1,38% so với năm 2015.

Việc giảm chi thường xuyên cũng đã thực hiện đối với một số đơn vị, cụ thể Ban quản lý chợ (đảm bảo tự thu, tự chi), tuy nhiên để giảm tỉ lệ chi thường xuyên là rất khó, vì chi ngân sách cho đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu chi cho sự nghiệp giáo dục (chiếm trên 95%), trong khi số lượng biên chế sự nghiệp giáo dục lớn, trường lớp, biên chế tăng so với năm 2015, để đảm bảo chất lượng dạy và học trên địa bàn. Vì vậy tỉ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2015 không đảm bảo.

Việc quản lý sử dụng tài sản công tại địa phương được thực hiện đảm bảo 100% cơ quan, địa phương đã ban hành Quy chế quản lý tài sản công và thực hiện và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng công hằng năm đảm bảo thời gian quy định.

6. Hiện đại hóa hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước

a. Ứng dụng công nghệ thông tin của địa phương (có phụ lục kèm theo)

Hàng năm, UBND huyện ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin huyện Đức Cơ đảm bảo về thời gian, nội dung yêu cầu; trong đó, đánh giá hiện trạng và mục tiêu, các giải pháp phù hợp với tình hình phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn huyện để các cơ quan, đơn vị và UBND các xã triển khai thực hiện đảm bảo kế hoạch đã đề ra.

Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm đạt và vượt kế hoạch đã đề ra với tỷ lệ từ 95% trở lên. Cụ thể: Năm 2012, UBND

huyện đã xây dựng và đưa vào sử dụng Trang thông tin điện tử huyện Đức Cơ (Website) tại địa chỉ www.ducco.gialai.gov.vn. Đến năm 2017, Trang thông tin điện tử huyện đã được nâng cấp thành Cổng Thông tin điện tử huyện Đức Cơ; đến nay từng bước phát huy những nội dung tuyên truyền các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình hoạt động tại địa phương; trong đó đã đáp ứng đầy đủ thông tin tại khoản 2 Điều 28 Luật Công nghệ thông tin và Điều 4 Thông tư 26/2009/BTTTT ngày 31/7/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông "Quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước" và bảo đảm cập nhật thường xuyên, chính xác theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Năm 2015, Hệ thống "Một cửa điện tử" huyện đã đưa vào sử dụng tại địa chỉ truy cập: <http://motcuaducco.gialai.gov.vn:81> và đến nay đã được tích hợp trong Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của huyện. Năm 2016, đã xây dựng và đưa vào sử dụng Hệ thống "Một cửa điện tử" thị trấn Chư Ty và đến năm 2018, đã triển khai đến 10/10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện, đạt tỷ lệ 100% hệ thống "Một cửa điện tử" cấp xã trên địa bàn huyện). Kết quả, đã giảm được thời gian xử lý công việc cho cán bộ tiếp nhận và thụ lý, thống kê và quản lý hồ sơ khoa học, tăng tính công khai, minh bạch trong giải quyết các thủ tục hành chính, đồng thời cung cấp các công cụ giúp người dân có thể dễ dàng tra cứu tình trạng giải quyết hồ sơ nộp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện và cấp xã.

Trên cơ sở các trang thiết bị, hạ tầng viễn thông đã được tỉnh, huyện đầu tư; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tích cực triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, quản lý, điều hành đạt hiệu quả cao nhất và thực hiện phát triển hạ tầng thông tin gắn với xây dựng chính quyền điện tử. Triển khai việc sử dụng phần mềm quản lý chuyên ngành trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đã triển khai đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các Phòng chuyên môn, đơn vị thuộc huyện sử dụng phần mềm quản lý tài sản công và phần mềm kế toán MISA. Phần mềm quản trị hệ thống đất đai, tra cứu đất đai, chỉnh lý biến động đất đai, đăng ký đất đai, quản lý cơ sở dữ liệu của Phòng Tài nguyên và Môi trường; phần mềm quản lý tài chính công Tabmis của Phòng Tài chính – Kế hoạch; phần mềm quản lý chi trả chế độ cho người có công, phần mềm quản lý trẻ em của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội; hệ thống quản lý điều hành trực tuyến, quản lý điểm của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện; phần mềm quản trị thư viện Ilibme của Thư viện huyện; phần mềm quản lý dân cư của Công an huyện...

Chú trọng xây dựng nguồn nhân lực công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu ứng dụng, khai thác công nghệ thông tin; trong đó, đã thực hiện phổ cập và nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước bằng nhiều hình thức như phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng, nâng cao về ứng dụng công nghệ thông tin như các lớp về tin học cơ bản, sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống Một cửa điện tử, sử dụng các

phần mềm ứng dụng đang triển khai trong các cơ quan, nâng cao kiến thức, kỹ năng về quản trị mạng, sử dụng các phần mềm chuyên ngành, khai thác mạng Internet và điều hành xử lý công việc trên môi trường mạng...

Hệ thống Hội nghị truyền hình: Huyện đã làm tốt công tác hội họp khi sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình, đảm bảo trao đổi thông tin trong các cuộc họp trực tuyến tỉnh, huyện. Thực hiện tốt các Hội nghị truyền hình trực tuyến liên thông từ trung ương đến huyện và các hội nghị trực tuyến khác theo quy định. Trong năm 2019, đã đầu tư lắp đặt Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến 06/10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện với tổng kinh phí là 1,1 tỷ đồng.

Công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin được UBND huyện chú trọng, trong việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin mạng; đầu tư mua sắm các phần mềm diệt vi rút và hợp đồng với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh trong hoạt động bảo trì, hỗ trợ khi hệ thống có xảy ra sự cố.

Hiện nay, các cơ quan, đơn vị sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại địa chỉ truy cập **glvbdhducco.gialai.gov.vn**; đối với Hệ thống Quản lý văn bản điều hành cấp xã đã được triển khai và đưa vào sử dụng tại 10 xã, thị trấn trên địa bàn huyện từ năm 2016. Đến nay, các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã triển khai sử dụng hệ thống góp phần trao đổi công việc nhanh chóng, thuận lợi, giảm thiểu việc sử dụng văn bản giấy truyền thống; có trên 96% văn bản đi, văn bản đến của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn được xử lý trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành huyện, xã (trừ văn bản mật theo quy định và đặc thù của cơ quan nhận); tăng cường sử dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Tổng số cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức huyện; cán bộ, công chức cấp xã được cấp email công vụ (xxx.ducco@gialai.gov.vn) là 268 tài khoản và được thực hiện trao đổi văn bản, tài liệu theo yêu cầu và hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, Huyện ủy Đức Cơ.

b. Việc triển khai tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích

Nhằm hỗ trợ người dân thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính một cách nhanh, gọn, thuận lợi; đảm bảo chất lượng dịch vụ; an toàn, an ninh, bảo mật, chính xác, kịp thời trong việc thực hiện dịch vụ chuyển phát hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; UBND huyện chỉ đạo thông báo bằng văn bản, phổ biến trên hệ thống Truyền thanh – Truyền hình huyện, các đài truyền thanh xã để các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, tổ chức, cá nhân biết và thực hiện các nội dung tại Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Gia Lai; Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 và đến nay là đang thực hiện Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai. Đồng thời, niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, công khai địa chỉ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử trên Cổng thông tin điện tử huyện để tổ chức, cá

nhân có thể liên lạc trước, trong và sau khi gửi, nhận hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

Bên cạnh đó, chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện triển khai việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu điện. Năm 2019, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 03/5/2019 tuyên truyền, hướng dẫn về Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và Dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn huyện; trong đó, xây dựng tài liệu, tờ gấp và slide tuyên truyền hướng dẫn tuyên truyền trực tiếp đến các xã, thị trấn và 03 trường THPT trên địa bàn huyện về nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người dân việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

c. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Giai đoạn 2011-2020, UBND huyện đã xây dựng và ban hành các văn bản về việc triển khai thực hiện các thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; qua đó, yêu cầu các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn đến các tổ chức, cá nhân biết và tổ chức thực hiện; ngoài ra, còn tổ chức tập huấn hướng dẫn, tuyên truyền trực tiếp đến các công chức chuyên môn cấp huyện, cấp xã của các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn để thực hiện.

Đến nay, các thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của huyện Đức Cơ được tích hợp tập trung trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh¹⁴.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính

Thực hiện Quyết định số 14/2010/QĐ-UBND ngày 12/7/2010 của UBND tỉnh Về việc ban hành kế hoạch áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 :2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2010-2013. Giai đoạn 2011-2020, UBND huyện đã ban hành các Quyết định thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo ISO huyện¹⁵; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đảm bảo nội dung và thời gian theo quy định.

Sau khi phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn quốc tế và hỗ trợ kỹ thuật cao (Đơn vị tư vấn) tổ chức tập huấn về hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001 :2008, mô hình khung và phương pháp soạn thảo tài liệu;

¹⁴Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 cấp huyện là 1,26% (có 4 TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên tổng số 318 TTHC cấp huyện); Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 cấp huyện là 10,01% (có 35 TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trên tổng số 318 TTHC cấp huyện).

¹⁵ Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 11/7/2012 Về việc thành lập Ban Chỉ đạo ISO hành chính huyện; Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 18/7/2013 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo ISO huyện; Quyết định số 3305/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo ISO hành chính huyện.

Ban Chỉ đạo ISO huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện.

UBND huyện đã tiến hành xây dựng hệ thống từ tháng 10 năm 2012 đến tháng 6 năm 2013 hoàn thành và đi vào hoạt động. Năm 2017, UBND huyện phối hợp với Trung tâm đo lường chất lượng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ triển khai kế hoạch xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 :2008 tại các xã trên địa bàn huyện, đạt 100%. Đến nay tình hình áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã hoạt động ổn định.

Hàng năm, UBND huyện, Ban chỉ đạo ISO định kỳ kiểm tra Hoạt động áp dụng duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 trên địa bàn huyện, đồng thời tổ chức đánh giá nội bộ, tiến hành họp xét lãnh đạo, cải tiến hệ thống, bảo đảm phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 :2008 theo quy định và thực tế tại cơ quan.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những ưu điểm

Thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND tỉnh Gia Lai về Ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của UBND tỉnh Gia Lai, UBND huyện đã đẩy mạnh hoạt động chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện; công tác cải cách hành chính ngày càng được quan tâm chỉ đạo triển khai toàn diện trên các mặt công tác và tổ chức thực hiện tương đối tốt.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền cải cách hành chính với nhiều hình thức đa dạng, phong phú đã góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức trong việc thực hiện cải cách hành chính và nhấn mạnh tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính ở cơ quan, đơn vị; đồng thời tuyên truyền đến người dân việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường công tác kiểm tra cải cách hành chính ở các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai đồng bộ kịp thời và nhiệm vụ cải cách hành chính.

UBND huyện đã tăng cường rà soát, kiểm tra và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính đồng bộ, cụ thể, hợp hiến, hợp pháp và khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật qua từng năm.

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính trong thời gian qua đã được UBND huyện quan tâm, đôn đốc, kịp thời giải quyết hoặc báo cáo đề xuất UBND tỉnh và các Sở, ban ngành phối hợp giải quyết; chất lượng phục vụ dịch vụ công ngày được nâng cao thông qua thực hiện và duy trì cơ chế một cửa, một cửa liên thông; công tác công khai, niêm yết TTHC thực hiện thường xuyên, liên tục, kịp thời đảm bảo đầy đủ, chính xác.

UBND huyện thường xuyên lắng nghe ý kiến của nhân dân, kịp thời chấn chỉnh thái độ phục vụ của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ, nâng cao ý thức trách nhiệm, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức đến liên hệ làm việc.

Qua việc thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm tạo quyền tự chủ, chủ động cho đơn vị trong việc quản lý chi tiêu tài chính; Từng bước giảm bớt sự can thiệp của cơ quan quản lý ở cấp trên; thu nhập của người lao động từng bước được cải thiện, phân phối tiền lương của đơn vị sự nghiệp đã gắn với hiệu quả chất lượng công việc thông qua quy chế chi tiêu nội bộ...

Tinh gọn bộ máy, thực hiện đề án tinh giản biên chế, rà soát và tổ chức bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm và ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, đội ngũ cán bộ, công chức từng bước đạt chuẩn theo quy định.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho công dân trên địa bàn huyện được chú trọng; góp phần hiện đại, đơn giản hóa quá trình trao đổi công việc, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân đến liên hệ giải quyết công việc; tỷ lệ số máy tính so với số lượng cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã tăng hàng năm và đảm bảo theo quy định.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Một số cơ quan, đơn vị thiếu quan tâm, không theo dõi, nắm bắt nội dung và tiến độ của kế hoạch cải cách hành chính, chưa chú trọng đôn đốc, chỉ đạo cấp dưới thực hiện; một số báo cáo định kỳ về công tác cải cách hành chính còn chậm trễ thời gian làm ảnh hưởng chung đến công tác tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất của UBND huyện.

Công tác kiểm tra cải cách hành chính đã được triển khai thực hiện đồng bộ; tuy nhiên các biện pháp chấn chỉnh vẫn chưa thật sự quyết liệt và khắc phục 100% các vấn đề đặt ra sau kiểm tra nhất là những nội dung cần thời gian khắc phục lâu dài.

Đội ngũ cán bộ đầu mối được phân công làm nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của các đơn vị chưa phát huy vai trò, trách nhiệm, công chức đầu mối làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã kiêm nhiệm nhiều công việc, một số công chức cấp xã còn ít kinh nghiệm nên việc triển khai rà soát, kiểm soát thủ tục hành chính còn gặp khó khăn. Tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức còn chưa cao, hạn chế về kỹ năng nghiệp vụ, nhất là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc.

Thủ tục hành chính phức tạp, thường xuyên thay đổi nên việc rà soát, bổ sung, thay thế để niêm yết, công khai liệt kê các thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành gáp nhiều khó khăn, đôi lúc chưa kịp thời;

Trình độ dân trí thấp, người dân sinh sống chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số nên việc ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các dịch vụ như trang thiết bị của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại, nộp và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 còn chưa phổ biến.

Hệ thống quản lý văn bản điều hành, hệ thống một cửa điện tử thường xuyên trục trặc, nhiều hồ sơ cập nhật trễ hẹn trên hệ thống không do lỗi của các cơ quan chuyên môn, dẫn đến kết quả trả hồ sơ thực tế và hồ sơ trên hệ thống không thống nhất; do vậy việc xin lỗi tổ chức, công dân theo thống kê hồ sơ trễ hẹn cũng không đảm bảo 100%.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CCHC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Triển khai thực hiện tốt Bộ chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Quyết định của UBND tỉnh; ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm, kế hoạch duy trì và nâng cao chỉ số cải cách hành chính trong đó xác định rõ sản phẩm đầu ra, thời gian hoàn thành; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định. Nâng cao ý thức trách nhiệm đội ngũ cán bộ, công chức trong việc thực hiện cải cách hành chính.

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền trong cải cách hành chính, phổ biến các nhiệm vụ cải cách hành chính đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời tuyên truyền đến người dân về giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong liên hệ giải quyết thủ tục hành chính.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong thi hành công vụ, trách nhiệm của người đứng đầu; xử lý vi phạm đối với những tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trong xếp hạng chỉ số cải cách hành chính. Gắn kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính với công tác thi đua khen thưởng, đánh giá cán bộ, công chức.

2. Cải cách thể chế

Tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra rà soát, hệ thống hóa văn bản Quy phạm pháp luật trên địa bàn huyện Đức Cơ. Xử lý các văn bản quy phạm pháp luật qua rà soát (nếu có).

Thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể: Thực hiện thu thập thông tin tình hình thi hành pháp luật; thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật; thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật.

Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012.

3. Cải cách thủ tục hành chính

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính, cải tiến phương pháp, quy trình để rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân; cắt giảm hoặc đề xuất cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết ở tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị. Thực hiện công khai, minh bạch hóa các thủ tục hành chính; tăng cường kiểm tra, rà soát thủ tục hành chính; hạn chế tối đa tình trạng hồ sơ trễ hẹn.

Tiếp tục hoàn thiện quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện và UBND các xã, thị trấn; rà soát, sửa chữa, nâng cấp Trang thiết bị của bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại tạo điều kiện cho công dân, tổ chức đến liên hệ giải quyết thủ tục hành chính.

Tổ chức tập huấn, có kế hoạch cử công chức phụ trách công nghệ thông tin đến các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn để giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện giải quyết TTHC.

Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng, nâng cao nghiệp vụ công tác kiểm soát thủ tục hành chính cho các cán bộ, công chức phụ trách công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng, ban chuyên môn để kịp thời bổ sung, hoàn thiện phù hợp với quy định hiện hành; sắp xếp lại bộ máy các cơ quan chuyên môn các đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW; đẩy mạnh tinh giản biên chế hành chính sự nghiệp theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; thực hiện bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm và ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức;

Thực hiện nghiêm quy định về số lượng lãnh đạo cấp phó. Tùy thuộc vào quy mô biên chế từng đơn vị, tính phức tạp của nhiệm vụ và chuyên môn nghiệp vụ để bố trí số lượng cấp phó phù hợp, hiệu quả.

Thực hiện đào tạo lại hoặc giải quyết chế độ, chính sách đối với viên chức và người lao động dôi dư do sáp nhập, giải thể hoặc chuyển thành đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

Rà soát lại tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ viên chức theo đúng mô tả vị trí việc làm và khung năng lực đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Tập trung đào tạo, sắp xếp và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh; đảm bảo cán bộ đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức

trong các lĩnh vực: quản lý nhà nước, tin học, bồi dưỡng chức danh... nhằm đáp ứng tốt nhu cầu công việc, phục vụ tổ chức, công dân

Thực hiện nghiêm việc đánh giá, phân loại viên chức hằng năm theo quy định hiện hành để đưa ra khỏi đội ngũ viên chức những người có 02 năm liên tiếp không hoàn thành nhiệm vụ.

6. Cải cách tài chính công

Tăng cường phân cấp và giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị phù hợp chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị; đổi mới phương thức giao dự toán kinh phí theo hướng nhà nước đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng.

Tăng cường, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động thông qua chất lượng, hiệu quả công việc và các dịch vụ công. Theo cơ chế hiện hành, nguồn tài chính đảm bảo hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm nguồn từ ngân sách nhà nước và nguồn thu cung cấp dịch vụ công.

Rà soát kỹ danh mục các dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, tránh trường hợp đưa tất cả các dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công đang cung cấp vào danh mục công, hoặc có nhiều dịch vụ công thiết yếu, chưa có điều kiện thực hiện theo cơ chế giá thị trường nhưng không được đưa vào danh mục.

Đánh giá, phân loại, xây dựng phương án chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP phù hợp với thực tế hoạt động của từng đơn vị sự nghiệp.

Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành.

Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp nhận thức đúng việc thực hiện đúng các quy định pháp luật trong giai đoạn chuyển đổi giữa cơ chế quản lý cũ sang thực hiện theo cơ chế mới.

7. Hiện đại hóa nền hành chính

Tiếp tục xây dựng, ban hành và thực hiện các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm đảm bảo nội dung, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương theo lộ trình cụ thể của Kế hoạch phát triển chính quyền điện tử huyện Đức Cơ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; ứng dụng chữ ký số, cắt giảm tối đa việc phát hành văn bản giấy.

Tổ chức tập huấn xử lý văn bản đến, đi trên hệ thống QLVBĐH, một cửa, một cửa điện tử liên thông và trên trang thông tin điện tử thành phần của cấp xã đảm bảo các mục và chất lượng cung cấp thông tin đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu theo Luật Công nghệ thông tin.; nâng cao hiệu quả tác nghiệp hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử giải pháp kiến trúc mới và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên địa bàn huyện.

Triển khai việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4; thường xuyên tuyên truyền tổ chức, công dân sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích trong liên hệ giải quyết thủ tục hành chính

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 khi có hướng dẫn của Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, theo đúng lộ trình áp dụng vào năm 2021.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị cấp có thẩm quyền thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng trong thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, nhất là nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã;

Đề nghị nâng cấp Cổng Thông tin điện tử đảm bảo cập nhật kịp thời, có thể tra cứu toàn bộ thủ tục hành chính; thường xuyên theo dõi, khắc phục lỗi của hệ thống một cửa điện tử hạn chế trường hợp cập nhật hồ sơ trễ hẹn trên hệ thống.

Trên đây là báo cáo Tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030 của huyện Đức Cơ./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- TT Huyện ủy,
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT,nv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Phận

Phụ lục 1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC KẾ HOẠCH

TT	Kế hoạch	Thời gian ban hành	Số nhiệm vụ/số đơn vị trong kế hoạch (lượt)	Số nhiệm vụ/ đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch (lượt)	Ghi chú
1.	Kế hoạch CCHC giai đoạn 2011-2022	07/01/2011	7/75	7/75	
2.	Kế hoạch kiểm tra CCHC năm	Hàng năm	9/20	9/20	
3.	Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm của cơ quan, địa phương	Hàng năm	8/78	8/78	
4.	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm của cơ quan, địa phương	Hàng năm	7/23	7/23	
5.	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc	Hàng năm	14/19	14/19	
6.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của cơ quan, địa phương	Hàng năm	6/75	4/75	
7.	Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan, địa phương	Hàng năm	4/23	4/23	

Phụ lục 2
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THEO CÁC TIÊU CHÍ THỰC HIỆN CCHC

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Ghi chú
			Sở, ban, ngành	Cấp huyện	Cấp xã	
1.	Số cơ quan, đơn vị trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt	20		10	10	
2.	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra về CCHC	20		10	10	
5	Số cơ quan, đơn vị công khai đầy đủ, đúng quy định Bộ TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	25		15	10	
4.	Số cơ quan, đơn vị trong kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động	19		9	10	
5.	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra về tình hình tổ chức và hoạt động	19		9	10	
6.	Số cơ quan có cơ cấu công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	13		13		
7.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc có cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	45		45		
8.	Số cơ quan hành chính thực hiện đúng cơ cấu công chức được phê duyệt	13		13		
9.	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng cơ cấu viên chức được phê duyệt	45		45		
10.	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công và tương đương thực hiện đúng quy định về tuyển dụng công chức, viên chức	68		68		
11.	Số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công thực hiện đúng quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức	68		68		
12.	Số cơ quan hành chính thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo ND 130	29		19	10	
13.	Số cơ quan hành chính ban hành quy chế chi tiêu nội bộ để triển khai cơ chế	29		19	10	

	khoản biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định 130					
14.	Cơ quan hành chính ban hành chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức	29		19	10	
15.	Số đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo ND 43	47		47		
16.	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	47		47		
17.	Đơn vị sự nghiệp công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	47		47		
18.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo ND 115	-				-
19.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	-				-
20.	Số tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động	-				-
21.	Số cơ quan, đơn vị triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	29		19	10	
22.	Số cơ quan, đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	29		19	10	
23.	Số cơ quan, đơn vị có Cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử	11		1	10	
24.	Số cơ quan, đơn vị được cấp chứng chỉ ISO	23		13	10	
25.	Số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định ISO trong hoạt động	23		13	10	
26.	Số cơ quan, đơn vị có giải quyết công việc liên quan trực tiếp tới người dân, doanh nghiệp triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	11		1	10	
27.	Số cơ quan, đơn vị đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định	29		19	10	
28.	Số cơ quan, đơn vị thực hiện mô hình một cửa hiện đại	11		1	10	

Phụ lục 3
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG

STT	Loại cơ quan	Tổng số	Chia ra Theo cấp hành chính			Ghi chú
			Sở, ban, ngành	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Cơ quan hành chính	23		13	10	
2	Đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị sự nghiệp dịch vụ công) trực thuộc	45		45		
3	Tổ chức khoa học và công nghệ công lập			-		

Phụ lục 4
SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tiêu chí	Tổng số	Chia ra theo cấp hành chính			Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC trong bộ TTHC)	Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã		
1	Số TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên cổng (hoặc Trang) thông tin điện tử của cơ quan, địa phương	483		318	165	100%	
2	Số lượng các TTHC thực hiện ở cơ quan, địa phương được giải quyết theo cơ chế một cửa	483		318	165	100%	
3	Số TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	42		38	4	8,5%	

Phụ lục 5
TỔNG HỢP CÁC VẤN ĐỀ XỬ LÝ TRONG QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CCHC

STT	Tiêu chí	Tổng số	Đã xử lý/đã thực hiện	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra CCHC	15	15	100	
2	Số phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, địa phương	0	0		
3	Số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc	8	8	100	
4	Số vấn đề phát hiện sau khi rà soát VBQPPL thực hiện tại cơ quan, địa phương	90	90	100	
5	Số vấn đề phát hiện sau khi tiến hành kiểm tra VBQPPL tại cơ quan, địa phương	90	90	100	
6	Số quy định của chính phủ, của tỉnh về phân cấp được thực hiện ở cơ quan, địa phương				
7	Số VBQPPL được tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan, địa phương				
8	Số VBQPPL thực hiện tại cơ quan, địa phương được kiểm tra	366	366	100	
9	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra việc thực hiện VBQPPL	90	90	100	

Phụ lục 6
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ
(đối với báo cáo của UBND cấp huyện)

STT	Tiêu chí	Tổng số	Tỷ lệ % so với tổng số	Ghi chú
1	Số lượng công chức cấp xã	99	-	
2	Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định	195	96,1	
3	Số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	1380 (lượt)	-	

* **Ghi chú:** Những trường hợp được đánh dấu (-) là không thống kê